UBND HUYỆN CƯ JÚT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHẢI VIỆT NAM**

**TRƯỜNG MẪU GIÁO EA PÔ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
Năm: 2024**

**CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT**

**NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1. Tên cơ sở giáo dục**

Trường mẫu giáo Ea Pô

**1.2. Địa chỉ**

Địa chỉ: thôn Nam Thanh - xã Ea Pô - huyện Cư Jút - tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại:

Email: maugiaoeapo@gmail.com

Website: http://c0eapo.pgdcujut.edu.vn

**1.3. Loại hình cơ sở giáo dục**

Trường mẫu giáo công lập

**1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu.**

***Sứ mạng:***

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

***Tầm nhìn:***

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

***Mục tiêu:***

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cả tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

**1.5. Quá trình hình thành và phát triển**

Nhà trường được thành lập số 71/QĐ-GĐSGDĐT, ngày 10 tháng 9 năm 1998, Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập trường mẫu giáo Ea Pô cho đến nay.

Trường có 1 điểm chính tọa lạc tại thôn Nam Thanh - xã Ea Pô - huyện Cư Jút tỉnh Đăk Nông. Trên 26 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 (theo QĐ số 299/QĐ-UBND ngày 09/3/2023); kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 93/QĐ-SGDĐT ngày 27/02/2023).

Tập thể nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen năm 2023)

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường mẫu giáo Ea Pô luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

**1.6. Thông tin đại diện pháp luật**

Họ và tên: Lê Thị Thoa

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mẫu giáo Ea Pô thôn Nam Thanh - xã Ea Pô - huyện Cư Jút - tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại: 0935639798

Email: lethithoa1981@gmail.com

**1.7. Tổ chức bộ máy**

Căn cứ Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường mẫu giáo Eapô;

Danh sách thành viên hội đồng trường.

| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Chức danh** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Lê Thị Thoa | Hiệu trưởng | Chủ tịch |
| 2 | Bùi Thị Bằng | Phó hiệu trưởng | Phó chủ tịch |
| 3 | Phan Thị Hồng | Phó hiệu trưởng | Phó chủ tịch |
| 4 | Bế Thị Thanh | TTCM khối lá | Thư ký |
| 5 | Lê Thị Huyền | TTCM khối mầm, chồi | Thành viên |
| 6 | Nguyễn Thị Hạnh | Phó chủ tịch công đoàn | Thành viên |
| 7 | Trần Thị Tuyết | TTTVP - kế toán | Thành viên |
| 8 | Lò Văn Đức | Phó chủ tịch Uỷ ban | Thành viên |
| 9 | Trần Quốc Đạt | TBĐDCNHS | Thành viên |

Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút về điều động bà Lê Thị Thoa giữ chức vụ hiệu trưởng trường mẫu giáo Ea Pô;

Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút về bổ nhiệm lại bà Bùi Thị Bằng giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường mẫu giáo Ea Pô;

Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút về bổ nhiệm lại bà Phan Thị Hồng giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường mẫu giáo Ea Pô.

Sơ đồ bộ máy trường

**Năm học: 2024 – 2025**

|  |
| --- |

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

**2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên**

| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số** | **Trình độ đào tạo** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TS** | **ThS** | **ĐH** | **CĐ** | **TC** | **Dưới CT** |
|  | **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | 24 | 0 | 0 | 18 | 2 | 0 | 04 |
| **I** | **Giáo viên** | 15 | 0 | 0 | 13 | 02 | 0 | 0 |
| 1 | Nhà trẻ | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Mẫu giáo | 14 | 0 | 0 | 12 | 02 | 0 | 0 |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | 3 | 0 | 0 | 03 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Hiệu trưởng | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 02 | 0 | 0 | 02 | 0 | 0 | 0 |
| **III** | **Nhân viên** | 04 |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên văn thư | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Nhân viên kế toán |
| 3 | Thủ quỹ | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Nhân viên y tế |
| 5 | Nhân viên cấp dưỡng | 02 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 02 |
| 6 | NV phục vụ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Bảo vệ | 02 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 02 |

**2.2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, đạt chuẩn nghề nghiệp.**

| **STT** | **Nội dung** | **Năm học 2023 -2024** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | **Khá** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | **Cán bộ quản lý** | **03** |  |  |  |
|  | Số lượng | **03** |  |  |  |
|  | Tỷ lệ | **100%** |  |  |  |
| **2** | **Giáo viên** | **11** | **04** |  |  |
|  | Số lượng | **11** | **04** |  |  |
|  | Tỷ lệ | **73,3%** | **26,7%** |  |  |

**2.3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định**

| **STT** | **Nội dung** | **Năm học 2023 -2024** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Cán bộ quản lý** | 03 |
|  | Số lượng | 03 |
|  | Tỷ lệ | 100% |
| **2** | **Giáo viên** | 15 |
|  | Số lượng | 15 |
|  | Tỷ lệ | 100% |
| **3** | **Nhân viên** | 06 |
|  | Số lượng | 06 |
|  | Tỷ lệ | 100% |

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

| **STT** | **Nội dung** | **Năm học 2023 -2024** | **Yêu cầu theo quy định** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Diện tích khu đất xây dựng | 9.280m2 |  |
| Điểm trường chính | 3.769m2 |  |
| Điểm trường thôn Nam Tiến | 3.076 m2 |  |
| Điểm trường thôn Cồn dầu | 2.435m2 |  |
| Diện tích bình quân cho mỗi trẻ | 62,1m2 |  |
| 2 | Số lương, hạng mục thuộc các khối phòng |  |  |
| **2.1** | **Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ** |  |  |
| 2.1.1 | Phòng học ( nuôi dạy, chăm sóc trẻ) | 08 |  |
| 2.1.2 | Phòng vệ sinh | 07 |  |
| 2.1.3 | Phòng ngủ | 0 |  |
| 2.1.4 | Phòng khác | 0 |  |
| **2.2** | **Khối phòng phục vụ học tập** |  |  |
| 2.2.1 | Phòng thư viện | 01 |  |
| 2.2.1 | Phòng thể chất | 01 |  |
| 2.2.3 | Phòng đa chức năng ( phòng nghệ thuật) | 01 |  |
| 2.2.4 | Phòng khác | 0 |  |
| **2.3** | **Khối phòng tổ chức ăn** |  |  |
| 2.3.1 | Nhà bếp | 01 |  |
| 2.3.2 | Nhà kho | 01 |  |
| 2.3.3 | Phòng ăn | 01 |  |
| **2.4** | **Khối phòng hành chính, quản trị** |  |  |
| 2.4.1 | Phòng hiệu trưởng | 01 |  |
| 2.4.2 | Phòng phó hiệu trưởng | 02 |  |
| 2.4.3 | Văn phòng trường | 01 |  |
| 2.4.4 | Phòng họp | 0 |  |
| 2.4.5 | Phòng hành chính quản trị | 01 |  |
| 2.4.6 | Phòng bảo vệ | 01 |  |
| 2.4.7 | Phòng y tế | 01 |  |
| 2.4.8 | Phòng truyền thống | 0 |  |
| 2.4.9 | Phòng nhân viên | 0 |  |
| 2.4.10 | Phòng khác | 0 |  |
| **2.5** | **Khối công trình công cộng** |  |  |
| 2.5.1 | Nhà xe giáo viên | 01 |  |
| 2.5.2 | Phòng khác | 0 |  |
| **2.6** | **Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** |  |  |
| 2.6.1 | Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có | 08 bộ |  |
| 2.6.2 | Số lượng đồ chơi ngoài trời | 14 bộ |  |
| 2.6.3 | Ti vi | 7 cái |  |
| 2.6.4 | Nhạc cụ | 38 bộ |  |
| 2.6.5 | Đầu video/đầu đĩa | 0 |  |
| 2.6.6 | Máy vi tính văn phòng | 04 cái |  |
| 2.6.7 | Đàn | 04 cái |  |

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.**

- Kết quả tự đánh giá.

Trường mẫu giáo Ea Pô tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (Năm học 2024-2025)

**4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.**

- Kết quả đánh giá và công nhận.

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 93/QĐ-SGDĐT ngày 27/02/2023).

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 09/3/2023).

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025 (Kế hoạch số 15/KH-MGEP ngày 20/9/2024)

Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2023 -2024 đến hết năm học 2027-2028 (Kế hoạch số 22b/KH-MGEP ngày 25/9/2023)

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước**.

| **STT** | **Nội dung** | **Năm học 2023 -2024** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số lớp | 08 |
| 2 | Tổng số trẻ | 200 |
| 3 | Số trẻ bình quân/nhóm ( lớp) | 25 |
| 4 | Số trẻ học 2 buổi/ ngày | 200 |
| 5 | Số trẻ được tổ chức ăn bán trú | 186 |
| 6 | Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ | 200 |
| 7 | Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi | 79 |
| 8 | Số trẻ khuyết tật | 0 |

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

| **STT** | **Nội dung** | **Năm 2023** | **Năm học 2024**  **(6 tháng đầu năm)** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Tình hình tài chính (các khoản chi phân theo):** |  |  |
| - Chi tiền lương và thu nhập | 1.762.388.598 | 3.215.810.000 |
| - Chi cơ sở vật chất và dịch vụ | 47.362.992 | 330.660.000 |
| - Chi hỗ trợ người học | 30.240.000 | 52.000.000 |
| - Chi khác | 41.742.380 | 52.920.000 |
| 2 | **Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học.** |  |  |
| - Học phí | 38.485.600 | 43.947.800 |
| - Tiền ăn | 517.008.000 | 287.360.000 |
| - Thuê người nấu ăn | 147.440.000 | 91.300.000 |
| - Trang bị hằng năm | 31.320.000 | 10.640.000 |
| - Nước uống | 9.564.000 | 10.080.000 |
| - Dọn nhà vệ sinh cho học sinh | 15.940.000 | 16.800.000 |
| - Qũy BĐCMHS | 9.950.000 | 7.600.000 |
| 3 | - Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng. | 6.030.000 | - |
| 4 | - Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù ( nếu có). Qũy phát triển HĐSN. | 0 | - |

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

**7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.**

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

**7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án**.

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

**7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh hỗ trợ như: 10 suất quà cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhân ngày khai giảng, sửa chữa lại khu vận động cho trẻ.

**7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2023 -2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như phần mềm FBOOT, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web, phần mềm đơn vị học tập, phần mềm CCVC…

Thực hiện tốt việc chuyển đổi số lưu hồ sơ trên mã QR, xây dựng kế hoạch soạn giảng các lưa tuổi được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định.

Tiếp tực triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pintersest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerprint thành bài gairng điện tử)… trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

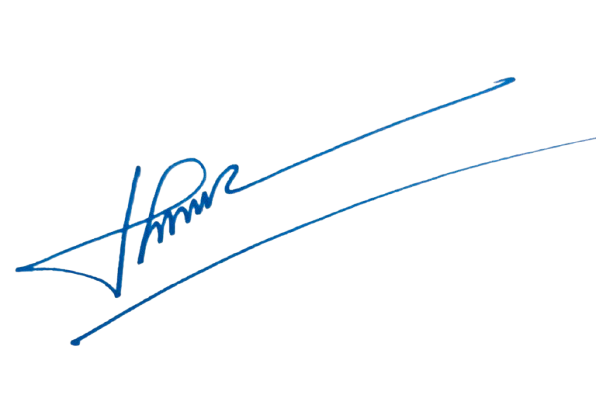
**7.5. Công tác truyền thông**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo (Kế hoạch số 16/KH-MGEP ngày 27/9/2024, Quyết định số 33/QĐ-MGEP ngày 27/9/2024).

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, thông qua website trường: <http://c0eapo.pgdcujut.edu.vn>.

Ea Pô, ngày 20 tháng 9 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Thoa**